TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ẩn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hưởng
2. Ông Nguyễn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 270/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Minh N - sinh năm 1984; có mặt.
Địa chỉ: Thôn P4, xã Diên A, huyện D, Khánh Hòa.
- *Bị đơn:* Ông Võ Minh T – sinh năm 1985; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Diên P, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Minh N trình bày: Bà và ông Võ Minh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Diên A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do không có tiếng nói chung. Ông T không có trách nhiệm với vợ con, phó mặc công việc nhà và chăm sóc con cho vợ. Bà N rất nhiều lần cho ông T cơ hội để thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà đã về nhà mẹ ruột sinh sống tại thôn P4, xã Diên A, huyện D từ tháng 10/2015 cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Lê Thị Minh N và ông Võ Minh T có một con chung là Võ Đình Trí L - sinh ngày 25/10/2015. Hiện nay cháu đang sống với bà N, do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Bà N đang làm giáo viên mầm

non, thu nhập mỗi tháng là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) và hiện đang sống cùng ông bà ngoại, có ông bà ngoại phụ giúp nên đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Minh N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa để làm việc.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh N. Cho bà Lê Thị Minh N được ly hôn với ông Võ Minh T; về con chung: Giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Đình Trí L, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T; về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh N và ông Võ Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/4/2015 và được Ủy ban nhân dân xã Diên A, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Thị Minh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Võ Minh T vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông T, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bị đơn ông Võ Minh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở để xác định tình cảm giữa ông T và bà N thực sự không còn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyệt được ly hôn với ông T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị Minh N và ông Võ Minh T có một con chung là Võ Đình Trí L - sinh ngày 25/10/2015. Con chung còn nhỏ và đang do mẹ chăm sóc nên HĐXX nhận thấy giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T vì bà N không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Minh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Minh N xác định bà và ông Võ Minh T không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Bà Lê Thị Minh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh Nguyệt.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Minh N được ly hôn với ông Võ Minh T.

- Về con chung: Bà Lê Thị Minh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Võ Đình Trí L - sinh ngày 25/10/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Võ Minh T.

Ông Võ Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Minh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Minh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007582 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Diên A (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã ký

Bùi Thị Ẩn